

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ
SOUTH WEST PETROVIETNAM FERTILIZER AND
CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY**

Số/No: **357** /TNB

V/v công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện
quyền nhận cổ tức năm 2025

*Re: Announcement of information on the last registration
date to exercise the right to receive dividends in 2025*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

*Tp. Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2026
Can Tho City, July 17, 2026*

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước /The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội / Hanoi Stock Exchange.

1. Tên đơn vị/ *Name of company*: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ / *South West Petrovietnam Fertilizer And Chemicals Joint Stock Company*
2. Mã chứng khoán / *Stock code*: PSW.
3. Trụ sở chính / *Address of headoffice*: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ / *151/18 Tran Hoang Na, Tan An Ward, Can Tho City*.
4. Điện thoại / *Telephone*: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin / *Authorized Representative for Information Disclosure*: **Lê Thanh Tùng**.
6. Địa chỉ / *Address*: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Tân An, Thành phố Cần Thơ. / *151/18 Tran Hoang Na, Tan An Ward, Can Tho City*.
Điện thoại / *Telephone*: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
7. Loại thông tin công bố / *Type of Information Disclosure*: ☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu/ *Upon Request* ☐ Bất thường / *Irregular* ☐ Định kỳ / *Periodic*
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố / *Company to check the appropriate box*).
8. Nội dung của thông tin công bố / *Disclosure content*: Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2025/ *Last registration date to exercise the right to receive dividends in 2025*.
9. Địa chỉ Website / *Website Address*: <https://www.psw.vn> **<http://www.psw.vn>**.
Đăng tải toàn bộ nội dung công bố. *Post the full announcement*

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố / *We hereby certify that the disclosed information is true and take full responsibility under the law for its content.*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P.TCKT, PKD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

Recipients:

- *As above;*
- *BOD, BOS, BOM;*
- *Human Resources Dept, Financial and Accounting Dept, Sales Dept, Website Editorial Team;*
- *Archived: General Office, PHN.*

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
/ AUTHORIZED REPRESENTATIVE
FOR INFORMATION DISCLOSURE



**TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ -CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **356** /TB-TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2026

V/v ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện
quyền nhận cổ tức năm 2025

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2025)

Kính gửi:

- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Tân An, TP. Cần Thơ.
Điện Thoại: 02923.765.079 Fax: 02923.765.078

**Chúng tôi thông báo đến Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)
ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:**

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Mã chứng khoán: PSW.

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.

Mã ISIN: VN000000PSW8.

Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Sàn giao dịch: HNX.

Ngày đăng ký cuối cùng: **17/08/2026**.

1. Lý do và mục đích

- Nhận cổ tức năm 2025.

2. Nội dung cụ thể

Trả cổ năm 2025.

- Tỷ lệ thanh toán : 5%/ cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 500 đồng).
- Thời gian thanh toán: **08/09/2026**.
- Địa điểm thực hiện:
 - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các TVLK nơi mở tài khoản lưu ký.



+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (vào các ngày làm việc trong tuần) từ ngày **08/09/2026** và xuất trình chứng minh nhân dân/CCCD, sổ cổ đông. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận thay phải có giấy ủy quyền hợp lệ (có công chứng hoặc xác nhận của chính quyền địa phương).

Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên qua hệ thống cổng giao tiếp điện tử của VSDC

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN (B/c);
- HĐQT, BGĐ, BKS Cty;
- Các phòng chức năng;
- Dán bảng thông báo;
- Lưu: VT, PHN.

Tài liệu đính kèm.

- NQ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026
- NQ của HĐQT chi trả cổ tức năm 2025

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ -CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16 /NQ-TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc trả cổ tức năm 2025 của
Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 25/04/2023;

Căn cứ Nghị Quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2026 của phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 16/07/2026 của Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Mức chia cổ tức năm 2025 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua với tỷ lệ chi trả: 5%/mệnh giá cổ phần (Một cổ phần được nhận 500 đồng).

➤ Ngày đăng ký cuối cùng: **17/08/2026.**

➤ Thời gian thanh toán: **08/09/2026.**

Nguồn chi: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.

Điều 2: Giao Giám đốc Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3: Các Ông/Bà: Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Tổng công ty;
- Như điều 3;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu VT, HĐQT (PHN).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Cần Thơ, ngày 16 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 25/04/2023;
- Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua các nội dung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ ngày 16/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình tại Đại hội cụ thể sau:

- 1.1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2026.
- 1.2. Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và các chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2026:

a. **Kết quả kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính:**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Năm 2025			
				KH năm	Cả năm		
					Thực hiện cả năm	Tỷ lệ TH cả năm so KH năm (%)	Tỷ lệ TH cả năm so năm 2024(%)
A	B	C	1	2	4	5=4/2	6=4/1
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	255.469	257.000	297.266	116%	116%
1	Phân bón do Cty Mẹ SX	Tấn	183.783	180.000	168.062	93%	91%
-	Ure Phú Mỹ	Tấn	173.510	160.000	152.100	95%	88%
-	NPK Phú Mỹ	Tấn	8.425	18.000	15.092	84%	179%
-	Đạm Kebo	Tấn	1.848	2.000	870	44%	47%
2	Phân bón tự doanh PM và đơn vị	Tấn	71.686	77.000	129.204	168%	180%
2.1	Phân bón thương hiệu PM	Tấn	19.856	30.000	70.692	236%	356%
-	NPK Phú Mỹ (NK)	Tấn		-	585		
-	Kali Phú Mỹ	Tấn	19.856	30.000	64.080	214%	323%
-	Phú Mỹ khác	Tấn	-	-	6.027		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Năm 2025			
				KH năm	Cả năm		
					Thực hiện cả năm	Tỷ lệ TH cả năm so KH năm (%)	Tỷ lệ TH cả năm so năm 2024(%)
A	B	C	1	2	4	5=4/2	6=4/1
2.2	Phân bón tự doanh	Tấn	51.830	47.000	58.512	124%	113%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.709,77	2.572,43	3.293,37	128%	122%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	2.697,70	2.556,32	3.268,28	128%	121%
1	Giá vốn	"	2.649,21	2.505,19	3.201,82	128%	121%
2	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	47,82	50,13	64,53	129%	135%
3	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,66	1,00	1,93	193%	292%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,08	16,11	25,09	156%	208%

b. Các chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2026:

1. Kế hoạch kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
I	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	306.000	73.500	88.600	69.200	74.700
1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	170.000	40.000	50.000	37.000	43.000
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	16.000	4.500	4.800	3.000	3.700
3	Phân bón khác TCT SX (Đạm KeBo, ...)	Tấn	5.000	1.000	1.300	1.200	1.500
4	Phân bón khác thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tấn	58.000	13.000	15.000	15.000	15.000
5	Phân bón thương mại của đơn vị	Tấn	57.000	15.000	17.500	13.000	11.500
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.610,00	878,86	1.039,16	820,68	871,31
1	Hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	3.607,00	878,11	1.038,41	819,93	870,56
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tỷ đồng	1.921,51	452,12	565,15	418,21	486,03
1.2	NPK Phú Mỹ	Tỷ đồng	219,76	61,81	65,93	41,21	50,82
1.3	Phân bón khác TCT SX (Đạm KeBo, ...)	Tỷ đồng	62,22	12,44	16,18	14,93	18,66
1.4	Phân bón khác thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tỷ đồng	672,14	159,38	167,09	178,59	167,09

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
1.5	Phân bón thương mại của đơn vị	Tỷ đồng	723,03	190,27	221,98	164,90	145,87
1.6	Dịch vụ (VC, BX,...)	Tỷ đồng	8,35	2,09	2,09	2,09	2,09
2	Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	3,00	0,75	0,75	0,75	0,75

2. Kế hoạch chi phí

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	3.591,00	873,86	1.032,83	816,65	867,66
1	Giá vốn	Tỷ đồng	3.519,08	857,18	1.012,85	800,61	848,44
1.1	Đạm Phú Mỹ	Tỷ đồng	1.851,81	435,72	544,65	403,04	468,40
1.2	NPK Phú Mỹ	Tỷ đồng	213,36	60,01	64,01	40,01	49,34
1.3	Phân bón khác TCT SX (Đạm KeBo, ...)	Tỷ đồng	60,22	12,04	15,66	14,45	18,06
1.4	Phân bón khác thương hiệu Phú Mỹ do TCT cung cấp	Tỷ đồng	666,00	158,00	165,50	177,00	165,50
1.5	Phân bón thương mại của đơn vị	Tỷ đồng	721,04	189,75	221,37	164,45	145,47
1.6	Dịch vụ (VC, BX,...)	Tỷ đồng	6,66	1,67	1,67	1,67	1,67
2	Chi phí bán hàng và quản lý	Tỷ đồng	69,92	16,17	19,48	15,54	18,72
2.1	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	45,04	10,82	12,11	9,68	12,43
2.2	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	24,88	5,35	7,38	5,86	6,29
3	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	2,00	0,50	0,50	0,50	0,50

3. Kế hoạch lợi nhuận

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
1	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,00	5,00	6,32	4,03	3,65
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,20	4,00	5,06	3,22	2,92

4. Kế hoạch các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	324				
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	212				

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	170				
	<i>Trong đó: Tỷ lệ góp của Tổng công ty</i>	%	75				
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	5				
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	7				
6	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	5,71	1,48	1,74	1,28	1,21
7	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	6,08	1,60	2,02	1,29	1,17
	<i>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tạm trích 20% LNST)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,04</i>	<i>0,80</i>	<i>1,01</i>	<i>0,64</i>	<i>0,58</i>
	<i>- Quỹ tinh gọn (20% LNST) - sử dụng giải quyết chế độ chính sách cho người lao động khi thực hiện tái cấu trúc công ty</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3,04</i>	<i>0,80</i>	<i>1,01</i>	<i>0,64</i>	<i>0,58</i>
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	5				
9	Nộp Tổng công ty từ kết quả SXKD năm 2026	Tỷ đồng	6,38				
	<i>- Cổ tức</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>6,38</i>				
10	Hệ số nợ						
	<i>- Hệ số nợ / VDL</i>	<i>Lần</i>	<i>0,66</i>				
	<i>- Hệ số nợ / VCSH</i>	<i>Lần</i>	<i>0,53</i>				
11	Thực hành tiết kiệm chống lãng phí	Tỷ đồng	1,53	0,38	0,38	0,38	0,38

(*): Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Công ty được trích bổ sung thêm Quỹ khen thưởng với mức tối đa là 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

(**): Đối với Quỹ tinh gọn, hàng năm Công ty được tạm trích mức tối đa 20% lợi nhuận sau thuế. Sau đó, tùy tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số tiền trích quỹ cụ thể. Đến nay, quỹ tinh gọn này chưa được sử dụng do nhân sự của Công ty đã được tinh gọn trước đó trong quá trình triển khai tái cấu trúc từ giai đoạn năm 2018-2025, các hoạt động tái cấu trúc nhân sự hiện tại chủ yếu là bổ trí, luân chuyển công việc qua lại giữa các bộ phận sao cho phù hợp nhất. Tuy nhiên về mặt lâu dài, để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, khi cần sử dụng quỹ tinh gọn để phục vụ công tác tái cấu trúc các giai đoạn sau, PSW sẽ áp dụng phương án sử dụng quỹ tinh gọn theo phụ lục số 2 như đã ban hành tại công văn số 601/BC-TNB ngày 24/09/2025.

5. Kế hoạch ĐTXD cơ bản & mua sắm trang thiết bị

Dvt: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Kế hoạch năm 2026			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng (I+II)	20,05	20.05	-	
	Ngoại tệ				
	Nội tệ				
I	CÁC DỰ ÁN (I = 1+2+3)	15,00	15.00		
1	Dự án chuyên tiếp				
2	Dự án khởi công mới				
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	15.00	15.00		
3.1	Dự án chuẩn bị đầu tư * (như chi tiết bên dưới)	15.00	15.00		Chi phí nghiên cứu cơ hội đầu tư, tư vấn,
II	MUA SẮM TÀI SẢN, TTB (II = 1+2)	5,05	5,05	-	
1	Mua sắm tài sản cố định	3,75	3,75	-	
1.1	Phần mềm quản lý công ty	0.80	0.80		
1.2	Bản quyền PM	0,15	0.15		
1.3	Xe tải chở Drone (02 chiếc)	0,80	0.80		
1.4	Xe tải chở hàng (01 chiếc)	0.80	0.80		
1.5	Ô tô 7 chỗ (01 chiếc)	1,20	1,20		
2	Trang thiết bị, công cụ dụng cụ	1,30	1,30		

(*) Chi tiết Dự án chuẩn bị đầu tư:

Stt	Dự án	Đơn vị	Công suất dự kiến	KH Giá trị giải ngân năm 2026
				(tỷ đồng)
	Tổng cộng			15,00
1	Nhà máy gia công, đóng gói, phối trộn phân bón, nông dược (sản xuất phối liệu/phối trộn 5.000 tấn/năm, chiết suất, đóng gói 3.000 tấn/năm); Giai đoạn 1: 5.000 tấn/năm.	Ngàn tấn	5	1,5
2	Nhà máy Phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh công suất 18.000 tấn/năm; Giai đoạn 1: 9.000 tấn/năm	Ngàn tấn	9	0,5
3	- Xây dựng trụ sở văn phòng tại Kho Cái Cui: 29 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí sử dụng đất) - Sửa chữa/xây dựng Văn phòng hiện tại Trần Hoàng Na 05 tỷ	m ²	- Cái cui 2.400 m ² ; Vp hiện hữu 1.147,9 m ²	5
4	- Kho/cảng tại ĐBSCL (2.000-5.000 tấn/kho); - Sửa chữa Kho Đồng Tháp 3,5 tỷ	kho cảng	3	3,5
5	Hệ thống cửa hàng bán lẻ công ty đầu tư (diện tích cửa hàng 100-200m ² ; kho chứa 100-200m ²)	Cửa hàng	15	3
6	Phương tiện Logistic	Hệ thống	1	1,5

Ghi chú:

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch ĐHD Cổ đông ủy quyền cho HĐQT và Ban điều hành PSW có thể linh hoạt điều chuyển các hạng mục kế hoạch mua sắm theo nhu cầu phát sinh của các phòng/chung của Công ty nhưng đảm bảo không vượt tổng chi phí kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị-CCDC năm 2026.

6. Kế hoạch các chỉ tiêu khác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026				
			Tổng số	Trong đó			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	1= 2+...+5	2	3	4	5
I	Lao động và thu nhập (*)						
1	Người quản lý						
	- Số người quản lý chuyên trách bình quân	Người	5	5	5	5	5
	- Số người quản lý không chuyên trách bình quân	Người	4	4	4	4	4
	- Thu nhập bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách	Trđ/ng/th	87,89	87,89	87,89	87,89	87,89
	- Quỹ lương của người quản lý	Tỷ đồng	4.80	1.20	1.20	1.20	1.20
2	Người lao động (không bao gồm người quản lý)						
	- Số lao động đầu kỳ	Người	55	55	55	55	57
	- Số lao động cuối kỳ	Người	57	55	55	57	57
	- Số lao động bình quân	Người	56	55	55	56	57
	- Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	35,09	35,09	35,09	35,09	35,09
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	38,85	38,85	38,85	38,85	38,85
	- Quỹ lương của người lao động	Tỷ đồng	24,00	6,00	6,00	6,00	6,00
	- Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Trđ/ng/th	5.278	5.326	6.298	4.885	5.095
II	Đào tạo						
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt người	222	35	105	42	40
2	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	0,70	0,10	0,35	0,14	0,13

Ghi chú:

(*) Lao động và tiền lương: Tạm ghi nhận kế hoạch Kế hoạch lao động tiền lương năm 2026 của PSW. Kế hoạch lao động tiền lương năm 2026 của PSW thực hiện theo quy chế hiện hành của Công ty mẹ PVFCCo.

- 1.3 Báo cáo của BKS năm 2025, kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2026. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026.

Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét, lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 mà Ban kiểm soát đã đề xuất tại Đại hội:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam.

1.4 Thông qua báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

1.5 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026.

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

Stt	Chi tiêu	Số tiền (vnd)
I	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	25.088.128.988
II	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	19.927.502.390
III	Trích lập các quỹ trong năm 2025 như sau:	9.378.501.434
3.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST + 20% LNST vượt kế hoạch)	5.393.000.956
	- Quỹ khen thưởng	3.775.100.670
	- Quỹ phúc lợi	1.617.900.286
3.2	Quỹ tích gộp (20% LNST)	3.985.500.478
IV.	Lợi nhuận còn lại sau phân phối các quỹ	10.549.000.956
V.	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	10.203.825.822
VI.	Số cổ phần	17.000.000
VII.	Chia cổ tức năm 2025 (tỷ lệ 5%)	8.500.000.000
VIII.	Lợi nhuận chuyển sang năm sau	12.252.826.778

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2026.

Stt	Chi tiêu	Số tiền (vnd)
I.	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026	15.199.929.150
II.	Kế hoạch trích lập các quỹ (20% LNST)	6.079.971.660
2.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.039.985.830
	- Quỹ khen thưởng	2.127.990.081
	- Quỹ phúc lợi	911.995.749
2.2	Quỹ tích gộp	3.039.985.830
III.	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	12.252.826.778
IV.	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2026	21.372.784.268
V.	Chia cổ tức (tỷ lệ 5%)	8.500.000.000
VI.	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	12.872.784.268

* Lưu ý :

Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Công ty được trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20% trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

1.6. Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và dự toán năm 2026.

a. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác năm 2025

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Phúc lợi, Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng (vnd)
I.	Hội đồng quản trị						3.514.797.347
1	Phạm Quý Hiền	CT. HĐQT	1.483.812.476		252.249.390	30.000.000	1.766.061.866
2	Chu Văn Hách	TV.HĐQT		65.406.594			65.406.594
3	Lê Đức Thuận (bổ nhiệm ngày 10/4/2025)	TV HĐQT kiêm GĐ	1.403.006.550		237.122.337	30.000.000	1.670.128.887
4	Nguyễn Công Bằng (miễn nhiệm ngày 10/4/2025)	TV.HĐQT		13.200.000			13.200.000
II.	Ban kiểm soát						149.868.129
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS		63.758.241			63.758.241
2	Bùi Trịnh Văn Anh	TV.BKS		43.054.944			43.054.944
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS		43.054.944			43.054.944
TỔNG CỘNG							3.664.665.476

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua số thực hiện tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2025 là 3.664.665.476 đồng.

b. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2026.

Năm 2026, PSW tiếp tục quản lý tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS theo Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người đại diện của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP tại các Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối của PVFCCo. Căn cứ tình hình thực hiện năm 2025 và KH SXKD năm 2026, PSW dự kiến xây dựng kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty/Phụ trách quản trị Công ty trong quy chế trả lương, thưởng Công ty năm 2026 như sau:

- Kế hoạch (lương, lương bổ sung, thưởng, thù lao): 2.944 triệu đồng.
- Dự phòng, chi khác: 858,98 triệu đồng.
- Tổng cộng: 3.802,98 triệu đồng.

(Ghi chú: Trong trường hợp Lợi nhuận Công ty vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thông qua, thì cứ 1% lợi nhuận vượt được trích thêm 2% quỹ lương kế hoạch, nhưng tối đa không vượt quá 20% quỹ lương kế hoạch).

STT	Phụ cấp/Thù lao các chức danh	Mức phụ cấp/tháng (vnd)
1	Kiểm nhiệm Chủ tịch HĐQT/Giám đốc các đơn vị	10.000.000
2	Kiểm nhiệm TV HĐQT/PGĐ các đơn vị/ Trưởng BKS các đơn vị	6.000.000
3	Kiểm nhiệm thành viên BKS các đơn vị	4.000.000
4	Kiểm nhiệm Thư ký/Người Quản trị Công ty	4.000.000

1.7. Thông qua tờ trình về việc chấp thuận chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch với Tổng Công Ty Phân Bón Và Hóa Chất Dầu Khí – CTCP.

1.8. Thông qua tờ trình về việc bầu cử HĐQT. BKS nhiệm năm 2026 – 2031 đã được Đại hội Đồng cổ đông bầu hợp lệ tại phiên họp như sau:

✓ **Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 -2031:**

1. Ông **Phạm Hùng** trúng cử thành viên HĐQT nhiệm năm 2026 – 2031 số phiếu bầu 12.861.940 phiếu, đạt tỷ lệ **100,08 %**
2. Ông **Chu Văn Hách** trúng cử thành viên HĐQT nhiệm năm 2026 – 2031 số phiếu bầu 12.841.900 phiếu, đạt tỷ lệ **99,92 %**

✓ **Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031:**

1. Bà **Phạm Hoài Hương** trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm năm 2026 – 2031 số phiếu bầu 12.787.440 phiếu, đạt tỷ lệ **99,5 %**
2. Bà **Bùi Trịnh Vân Anh** trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm năm 2026 – 2031 số phiếu bầu 12.787.400 phiếu, đạt tỷ lệ **99,5 %**
3. Bà **Phạm Thị Á Châu** trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm năm 2026 – 2031 số phiếu bầu 12.787.420 phiếu, đạt tỷ lệ **99,5 %**

Điều 2. Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Tây Nam Bộ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16/04/2026.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng các phòng trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT (PHN).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Quý Hiền